

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../20...

Class: GOLD A2

Tel: 038 255 2594

GOLD EXPERIENCE A2: UNIT 8 - WILD WORLD

VOCABULARY 2

A. VOCABULARY:

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	international (adj) /ˌɪntərˈnæʃnəl/	(thuộc) quốc tế	12	donation (n) /dəʊˈneɪʃn/	sự quyên góp
2	recently (adv) /ˈriːsntli/	gần đây, mới đây	13	rewild (v) /ˈriːˈwaɪld/ rewilding (n)	tái hoang dã
3	the least	ít nhất	14	below zero (phr)	dưới mức 0
4*	popular (adj) /ˈpɒpjələ(r)/	phổ biến	15*	indoors (adv) /ˌɪnˈdɔːz/	ở trong nhà
5	water slide (n) /ˈwɔːtə slaɪd/	đường trượt nước	16*	outdoors (adv) /ˌaʊtˈdɔːz/	ở ngoài trời
6	banana boat (n) /bəˈnɑː.nə ˈbəʊt/	thuyền chuối bơm hơi	17*	roller coaster (n) /ˈrəʊlə kəʊstə(r)/	tàu lượn siêu tốc
7*	on one's own	tự dựa vào sức ai	18	along the coast /kəʊst/	dọc bờ biển
8	spidergram (n) /ˈspaɪ.de.græm/	sơ đồ hình mạng nhện	19*	beach barbecue (n) /ˈbiː.bɪkjuː/	tiệc nướng trên bãi biển
9*	vulture (n) /ˈvʌltʃə(r)/	con kền kền	20	leaflet (n) /ˈliːflət/	tờ rơi
10*	bison (n) /ˈbaɪsn/	bò rừng bizon	21*	persuade (v) /pəˈsweɪd/	thuyết phục
11	raise money (v) /reɪz/	quyên góp tiền			

* **Note:** *n* = noun: Danh từ; *adj* = adjective: Tính từ; *v* = verb: Động từ;
phr = phrase: Cụm từ; *adv* = adverb: Trạng từ.

* Những từ có ký hiệu * thì có hai cách đọc.

* Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

EXTRA VOCABULARY:

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1*	postpone (v) /pə'spəʊn/	trì hoãn	3*	anonymous (adj) /ə'nɒn.ɪ.məs/	giấu tên, ẩn danh
2	proposal (n) /prə'pəʊ.zəl/	đề xuất, lời đề nghị			

B. HOMEWORK:

I. Read the descriptions of the following words. Then write the complete words.

Down

1. liked or enjoyed by a large number of people

3. connected with or involving two or more countries

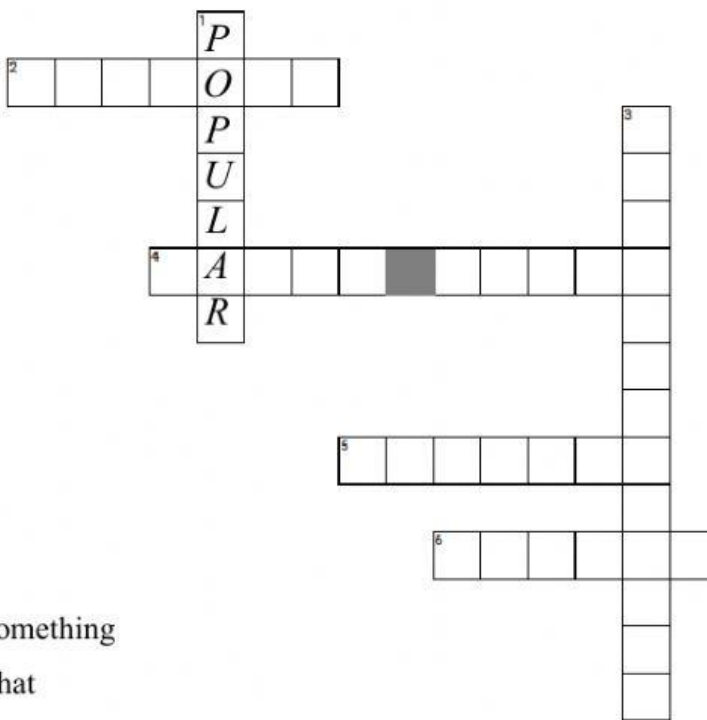
Across

2. inside or into a building

4. a structure with a steep slope with water flowing down it, used for sliding down into a swimming pool

5. a printed sheet of paper or a few printed pages that are given free to advertise or give information about something

6. a person, an object, an event, etc. that represents a more general quality or situation



II. Put the letters in brackets into the correct order to complete these sentences.

0. A string on my badminton racket (C A R T E K) snapped.

1. The temperature could fall _____ (L E B O W O E Z R) overnight.
2. Using _____ (S D E R G R A P I M S) or mind maps can be an effective way of linking concepts together.
3. It's warm enough to eat _____ (U T D O R S O O) tonight.
4. They've created a website about _____ (W I R E I N G L D) the Scottish Highlands.
5. If she doesn't want to go, nothing you can say will _____ (S A P E R D U E) her.

III. Fill in the blanks with the words from the box.

<i>interested in</i>	recently	raise	beach barbecue	donated	water slide
-----------------------------	-----------------	--------------	-----------------------	----------------	--------------------

0. He did not seem very interested in what I was saying.

1. It rained, so the _____ had to be postponed (trì hoãn).
2. Sliding on a giant _____ was one of the activities the girls enjoyed at camp.
3. Public meetings were held _____ to discuss the proposals (đề xuất).
4. An anonymous (ẩn danh) businesswoman _____ one million dollars to the charity.
5. Our campaign's main purpose is to _____ money.

IV. Write sentences in the Present Perfect Tense.

0. you / ever eat / octopus / ?

→ Have you ever eaten octopus?

1. I / never fly / in a helicopter / .

→ _____

2. she / ever be / late for work / ?

→ _____

3. he / not buy / any expensive clothes / .

→ _____

4. I / never work / in a shop or restaurant / .

→ _____

5. you / ever sell / something on eBay / ?

→ _____

V. Look at the list. Write sentences with the Present Perfect Tense.



1. I have done my homework.

2. _____.

3. _____.

4. _____.

5. _____.

6. _____.

For each question, write the correct answer. Write ONE word for each gap.

From:	Helen
To:	Debbie

Hi!

Yesterday I went (0)..... *on*..... a great trip with my school! We went to London (25)..... train and we saw so (26)..... nice things!

First, we went to a museum which (27)..... very interesting! (28)..... you like museums? I love (29).....!

Then, we had lunch at a nice cafe. I ate the best burgers ever!

After lunch we went shopping. I bought some great presents for my family. (30)..... a lovely day!

See you soon,
Helen